

Số: **31** /2020/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày **04** tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục QLXLVPHC và TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Đoàn Luật sư tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC_(LTT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thành Đô

QUY CHẾ

Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số **31** /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Khách quan, công khai, minh bạch.

2. Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

5. Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và Nhân dân.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.
3. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.
4. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.
5. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.
6. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
7. Báo cáo về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
3. Bố trí phương tiện và trang thiết bị khác phục vụ việc phối hợp.
4. Bố trí kinh phí phục vụ việc phối hợp.
5. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức họp liên ngành.
6. Các hình thức phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II**TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THEO DÕI
TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT****Điều 5. Phối hợp xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Giám đốc Sở Tư pháp xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước ngày 20 tháng 01, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 30 tháng 01 hàng năm để theo dõi, tổng hợp.
2. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý. Các cơ quan, đơn vị và các địa phương không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, địa phương chủ động lựa chọn thêm lĩnh vực chuyên ngành để theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Nội dung của kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm của tỉnh, các văn bản có liên quan và quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư số 14/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

4. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15 tháng 02 để theo dõi, tổng hợp. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi về Phòng Tư pháp trước ngày 20 tháng 02 để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

1. Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước được giao.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, đánh giá tác động tích cực, tác động tiêu cực của việc thi hành các quy định của pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP).

Điều 7. Phối hợp tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

b) Kiểm tra, đối chiếu tính xác thực thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

c) Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực, thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, khoản 4 Điều 1 Nghị định 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định 32/2020/NĐ-CP) và Điều 8, Điều 9 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là Thông tư số 14/2014/TT-BTP) hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổng hợp thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân cung cấp.

b) Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Kiểm tra, đối chiếu tính xác thực thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

d) Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c khoản này.

Điều 8. Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

1. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

a) Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành phải nêu rõ nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra, thời gian tiến hành kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra liên ngành. Đoàn kiểm tra liên ngành xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

d) Trong quá trình kiểm tra, khi phát hiện những thông tin cần xử lý theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được

kiến nghị xử lý kết quả kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị thông báo về kết quả xử lý kiến nghị của đoàn kiểm tra cho người ra quyết định kiểm tra. Trường hợp không nhất trí với kết quả xử lý hoặc không nhận được kết quả xử lý, người ra quyết định kiểm tra gửi kiến nghị xử lý đến cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kết quả kiểm tra.

đ) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong thi hành pháp luật; kiến nghị thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

2. Kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

- a) Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- b) Việc bảo đảm các điều kiện về biên chế, kinh phí theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- c) Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- d) Việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- đ) Công tác phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- e) Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- a) Phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật.
- b) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 9. Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì tiến hành điều tra, khảo sát theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát theo dõi tình hình thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý; chủ trì thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát do cơ quan và UBND cấp huyện thực hiện.

Điều 10. Phối hợp xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp, nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong báo cáo hằng năm gửi Sở Tư pháp.

3. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị gửi Sở Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

4. Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc quyết định áp dụng pháp luật chưa bảo đảm tính chính xác, vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thì Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền được quy định tại Điều 120 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 11. Phối hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương (qua Phòng Tư pháp) chậm nhất vào ngày 02 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương (qua Sở Tư pháp tổng hợp) chậm nhất vào ngày 04 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Sở Tư pháp tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, tham mưu xây dựng báo cáo chung của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 07 tháng 12 của kỳ báo cáo để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

d) Nội dung, hình thức và phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là Thông tư số 16/2018/TT-BTP).

2. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn quản lý; báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

3. Báo cáo khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải áp dụng các biện pháp nhằm kịp thời ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra cho đời sống xã hội.

4. Báo cáo về kết quả xử lý các kiến nghị theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

PHỐI HỢP VÀ HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 12. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử. Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp số liệu tổng hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật đã được Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý, giải quyết hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BTP, phụ lục số 02 - mẫu số 2 kèm theo mẫu đề cương Báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo Báo cáo trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật gửi về cơ quan tư pháp cùng cấp để tổng hợp.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật.

c) Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

d) Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

đ) Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

Điều 13. Các hình thức tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác và cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức được quy định tại Điều 12 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 14. Bảo đảm sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân phản ánh; duy trì chuyên mục về tình hình thi hành pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và của Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

2. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện cơ chế cộng tác viên và sự tham gia của cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật; khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân đã có đóng góp tích cực, cung cấp những thông tin có giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 15. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được huy động tham gia làm cộng tác viên phải có lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Cá nhân được huy động tham gia làm cộng tác viên phải am hiểu lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng theo từng vụ việc cụ thể, trừ trường hợp cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp; công nhận danh sách cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật cấp tỉnh.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

6. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, xây dựng báo cáo định kỳ về công tác theo dõi thi hành pháp luật; báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế này trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định;

8. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.

3. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

4. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của ngành, lĩnh vực quản lý.

5. Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

6. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật định kỳ theo đúng quy định; báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm theo đúng thời gian quy định; báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế này.

5. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

c) Tổ chức điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

d) Tổng hợp tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, xây dựng báo cáo định kỳ, báo cáo theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế này trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp tổng hợp) về công tác theo dõi thi hành pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân cấp huyện, các cơ quan khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý.

e) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, đôn đốc, tự kiểm tra các công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

3. Phối hợp với Phòng Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trên địa bàn quản lý.

4. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm theo đúng thời gian quy định; báo cáo tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 11 Quy chế này.

5. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện.

6. Chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải đáp hoặc tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô